

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ; Chuyên ngành: Khoa học môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HỒ MINH DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 25/12/2974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
Xã Cổ Thành, Huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

30 Nguyễn Xuân Khoát, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

Hồ Minh Dũng

Phòng Đào tạo Sau đại học

Viện Môi trường và Tài nguyên

142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: không có; Điện thoại di động: 0903605245;

E-mail: H_minhdung@yahoo.com, hominhdung.ier@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1996 đến năm 1998: Nhân viên Phòng thí nghiệm – Trung tâm Công nghệ môi trường (địa chỉ: 142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM)
- Từ năm 1998 đến tháng 09/2010: Nghiên cứu viên, Nhân viên/Trưởng nhóm - Phòng thí nghiệm chất lượng môi trường - Viện Môi Trường và Tài Nguyên – ĐHQG TP.HCM (địa chỉ: 142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM).

- Từ tháng 09/2010 đến tháng 11/2013: Nghiên cứu viên, Nhân viên - Phòng ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu - Viện Môi Trường và Tài Nguyên – ĐHQG TP.HCM (địa chỉ: 142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM).
- Từ tháng 11/2013 đến nay: là Giảng viên, Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau đại học- Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia TP.HCM (địa chỉ: 142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM).

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau đại học;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng (Phòng Đào tạo Sau đại học);

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia TP.HCM

Địa chỉ cơ quan: 142 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: +84 28 3651132

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường đại học Bách Khoa TP.HCM, Trường đại học Văn Lang, Trường đại học Thủ Dầu Một, Trường đại học Sài Gòn, Trường đại học Tây Nguyên, Phân hiệu Đại học Lâm Nghiệp (Đồng Nai).

8. Đã nghỉ hưu: không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 6 năm 1996; số hiệu bằng: B05024; số vào sổ: 04H16; ngành: Hóa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Huế, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 04 tháng 12 năm 2002; số văn bằng: số đăng ký MTTN CH02-0004, MM00004/79KH2; ngành: Kỹ thuật, chuyên ngành: Kỹ thuật Môi trường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Viện Môi trường và Tài nguyên - Đại học Quốc gia TP.HCM, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: số đăng ký 369; QS 00349/01KH2/2005; ngành: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Môi trường và Tài nguyên - Đại học Quốc gia TP.HCM, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: không.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP.HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Hội đồng giáo sư liên ngành Khoa học trái đất – Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Quản lý chất lượng không khí và khí nhà kính;
- Hướng nghiên cứu 2: Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 01 NCS tốt nghiệp năm 2022; Và đang hướng dẫn 2 NCS thực hiện LATS.
- Đã hướng dẫn (số lượng): 21 HVCH, trong đó 19 HVCH đã tốt nghiệp, 01 HVCH đã bảo vệ thành công luận văn ThS và 01 HVCH đang thực hiện luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 04 đề tài, gồm 03 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp TP.HCM và đang thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở; Tham gia 11 đề tài/nhiệm vụ các cấp.
- Đã công bố (số lượng): 30 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, 05 bài trong Kỷ yếu Hội thảo trong nước và quốc tế.
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 sách chuyên khảo, 01 giáo trình và 01 sách hướng dẫn thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB ĐHQG-HCM);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm/Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành
2017-2018 đến 2019-2020	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 4450/QĐ- BGDĐT ngày 18/12/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo
2017-2018 đến 2019-2020	Chiến sĩ thi đua cấp Đại Học Quốc Gia TP.HCM	Quyết định số 1132/QĐ-ĐHQG ngày 09/9/2020, Đại Học Quốc Gia TP.HCM
2017-2018 đến 2018-2019	Bằng khen của Đại Học Quốc Gia TP.HCM	Quyết định số 1221/QĐ-ĐHQG ngày 01/10/2019, Đại Học Quốc Gia TP.HCM
2018-2019	Chiến sĩ thi đua cấp Viện Môi trường và Tài nguyên	Quyết định số 51/QĐ-VMT&TN- ngày 15/8/2019, Viện Môi trường và Tài nguyên
2016-2017 đến 2017-2018	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định 4999/QĐ- BGDĐT ngày 16/11/2028, Bộ Giáo dục và Đào tạo
2013-2014 đến 2015-2016	Chiến sĩ thi đua cấp Đại Học Quốc Gia TP.HCM	Quyết định số 1119/QĐ-ĐHQG ngày 17/10/2016, Đại Học Quốc Gia TP.HCM

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ khi tốt nghiệp đại học đến nay, ứng viên đã trải qua hơn 25 năm đứng trong hàng ngũ nghiên cứu viên và giảng viên và hơn 10 năm tham gia giảng dạy, hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh tại Viện Môi trường và Tài nguyên và một số trường đại học trong và ngoài Đại học Quốc gia TP.HCM. Ứng viên tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của người giảng viên, cụ thể:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị vững vàng;
- Có trình độ chuyên môn được đào tạo phù hợp;
- Có sức khoẻ tốt, đảm bảo quá trình giảng dạy và công tác tại Viện;
- Tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Trung thực, khiêm tốn, có trách nhiệm trong công việc.

Với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm bản thân, ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong quá trình công tác liên quan đến giảng dạy trực tiếp trên lớp; hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện luận văn tốt nghiệp, luận án tiến sĩ; xây dựng đề cương môn học và chương trình đào tạo; viết giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học và viết bài báo khoa học trong nước và quốc tế v.v... Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên còn được giao trách nhiệm phụ trách phòng Đào tạo Sau đại học của Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia TP.HCM. Từ quá trình công tác của mình, ứng viên càng thấy rõ hơn rằng nhà giáo cần phải không ngừng phấn đấu học tập, tu dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân để đáp ứng được các trọng trách mà cơ quan và đơn vị giao phó.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm (tính từ thời điểm Quyết định về việc chuyển ngạch viên chức số 21/QĐ-VMT&TN-TCCB ngày 12/6/2014 của Viện trưởng Viện Môi trường và Tài nguyên).

Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017 – 2018					30	107	137/178/67,5
2	2018 – 2019			1		75	195	270/370/67,5
3	2019 – 2020			1		75	127,5	202,5/253/67,5
4	2020 – 2021		1	1		135	105	240/340/67,5
03 năm học cuối								
5	2021 – 2022		1	4		30	67,5	97,5/354/87,5
6	2022 – 2023		2	5		-	67,5	67,5/372/87,5
7	2023 – 2024		1	1		-	157,5	157,5/293/87,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS tại nước:

Có 04 đợt đi thực tập nghiên cứu sinh ở trường EPFL, Thụy Sĩ:

Từ 09/2005 – 01/2006: Thực tập Nghiên cứu sinh thuộc dự án ABC (Asian Brown Cloud, dự án hợp tác giữa EPFL và Viện MT&TN), đợt 1.

Từ 07/2006 – 10/2006: Thực tập Nghiên cứu sinh thuộc dự án ABC (Asian Brown Cloud dự án hợp tác giữa EPFL và Viện MT&TN), đợt 2.

Từ 10/2007 – 01/2008: Thực tập Nghiên cứu sinh thuộc dự án ABC (Asian Brown Cloud dự án hợp tác giữa EPFL và Viện MT&TN), đợt 3.

Từ 01/2009 – 05/2009: Thực tập Nghiên cứu sinh thuộc dự án ABC (Asia Brown Cloud dự án hợp tác giữa EPFL và Viện MT&TN), đợt 4.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Sử dụng thành thạo.

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng (Danh mục HVCH)

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phạm Thanh Tuấn	x			x	Tháng 12/2022 – tháng 12/2025	Viện Môi trường và Tài nguyên	Đang thực hiện

2	Lê Minh Hải	x			x	Tháng 9/2020 – tháng 9/2025	Viện Môi trường và Tài nguyên	Đang thực hiện
3	Vũ Thùy Linh	x			x	Tháng 01/2015- Tháng 01/2020	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 02/12/2021 Ngày cấp bằng TS: 26/8/2022
4	Trương Tấn Quốc		x	x		23/2/2024 đến 23/8/2024	Viện Môi trường và Tài nguyên	Đang thực hiện
5	Khổng Doãn An Khang		x	x		16/6/2023 đến 15/3/2024	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 12/4/2024
6	Trương Công An		x	x		07/10/2022 đến 07/7/2023	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 20/8/2023 Ngày cấp bằng ThS: 10/11/2023
7	Nguyễn Quốc Tuấn		x	x		14/11/2022 đến 14/8/2023	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 16/9/2023 Ngày cấp bằng ThS: 10/11/2023
8	Nguyễn Thế Hạnh		x		x	14/11/2022 đến 14/5/2023	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 29/6/2023 Ngày cấp bằng ThS: 10/11/2023
9	Hoàng Thị Hằng		x		x	07/10/2022 đến 07/7/2023	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 20/8/2023 Ngày cấp bằng TS: 10/11/2023
10	Nguyễn Quốc Bảo		x	x		29/9/2021 đến 29/6/2022	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 07/9/2022 Ngày cấp bằng ThS: 18/11/2022

11	Thạch Thanh Bình		x	x		29/9/2021 đến 29/6/2022	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 07/9/2022 Ngày cấp bằng ThS: 18/11/2022
12	Trần Thị Tuyết Loan		x		x	29/9/2021 đến 29/3/2022	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 19/4/2022 Ngày cấp bằng ThS: 10/11/2023
13	Trần Thị Diễm Hà		x		x	29/9/2021 đến 29/3/2022	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 19/4/2022 Ngày cấp bằng ThS: 18/11/2022
14	Mai Xuân Khang		x		x	16/10/2020 đến 16/4/2021	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 07/5/2021 Ngày cấp bằng ThS: 30/11/2021
15	Hoàng Nguyễn Thảo Vy		x	x		24/02/2020 đến 20/06/2020	Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM	Ngày bảo vệ: 09/9/2020 Ngày cấp bằng ThS: 24/11/2020
16	Hoàng Vũ Ngọc Khuê		x		x	01/3/2018 đến 01/3/2019	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 04/4/2019 Ngày cấp bằng ThS: 18/11/2019
17	Võ Thị Bích Thùy		x		x	18/3/2015 đến 18/12/2015	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 11/4/2016 Ngày cấp bằng ThS: 19/11/2018
18	Lý Thị Bích Trâm		x		x	18/3/2015 đến 18/9/2015	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 21/10/2015 Ngày cấp bằng ThS: 05/8/2016

19	Vương Thế Hoàn		x	x		26/5/2014 đến 26/11/2014	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 30/12/2014 Ngày cấp bằng ThS: 27/8/2015
20	Trần Lê Nhật Giang		x	x		03/3/2014 đến 03/12/2014	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 30/12/2014 Ngày cấp bằng ThS: 17/11/2016
22	Nguyễn Thị Mỹ An		x		x	26/5/2014 đến 26/11/2014	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 30/12/2014 Ngày cấp bằng ThS: 17/11/2015
23	Hoàng Ái Nhân		x		x	26/5/2014 đến 26/11/2014	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 30/12/2014 Ngày cấp bằng ThS: 05/08/2016
24	Vũ Thị Thanh Tuyền		x		x	03/3/2014 đến 03/9/2014	Viện Môi trường và Tài nguyên	Ngày bảo vệ: 21/10/2014 Ngày cấp bằng ThS: 17/11/2016
25	Nguyễn Minh Nhật		x		x	30/08/2012 đến 30/11/2012	Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM	Ngày bảo vệ: 13/03/2013 Ngày cấp bằng ThS: 21/4/2014

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
A	Trước khi được công nhận TS						

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
B	Sau khi được công nhận TS						
01	Kiểm kê khí thải và khí nhà kính nâng cao	CK	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM, 2022	2	Hồ Quốc Bằng, Hồ Minh Dũng	Trang 107 đến 318	Quyết định số 121/QĐ-VMT&TN ngày 22/12/2021 của Viện Trưởng Viện Môi trường và Tài nguyên
02	Kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường nâng cao	GT	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM, 2021	2	Hồ Minh Dũng	Trang 03 đến 144	Quyết định số 119/QĐ-VMT&TN ngày 23/12/2020 của Viện Trưởng Viện Môi trường và Tài nguyên
03	Hướng dẫn sử dụng mô hình phát thải EMISENS, khí tượng FVM, quang hóa TAPOM và các chương trình hỗ trợ	HD	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM, 2014	2	Hồ Quốc Bằng, Hồ Minh Dũng	Trang 53 đến 153	Quyết định số 01/QĐ-VMT&TN-GT ngày 13/10/2014 của Viện Trưởng Viện Môi trường và Tài nguyên

- Trong đó, có 01 sách giáo trình do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (NXB ĐHQG-HCM) do ứng viên là chủ biên.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu (Danh mục ĐT):

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
A	CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
A.1	Trước khi được công nhận TS				
	Hướng nghiên cứu 1				

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
01	Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải chất ô nhiễm không khí từ phương tiện giao thông đường bộ phù hợp với điều kiện thành phố Hồ Chí Minh	Chủ nhiệm	B2007-24-03 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM	06/2007 – 06/2008	07/01/2009 Xếp loại Khá
02	Ứng dụng mô hình toán mô phỏng chất lượng không khí tại thành phố Hồ Chí Minh	Chủ nhiệm	B2010-24-05 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM	05/2010-05/2011	10/8/2011 Xếp loại Khá
A.2	Sau khi được công nhận TS				
	Hướng nghiên cứu 1				
03	Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm không khí để đánh giá khả năng tiếp nhận các nguồn ô nhiễm không khí – Áp dụng tại khu vực TP. Cần Thơ	Chủ nhiệm	C2019-24-02 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM loại C	06/2019-06/2020	31/12/2020 Xếp loại Khá
04	Ứng dụng mô hình LSTM-MA trong dự báo chất lượng không khí – áp dụng điển hình tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Chủ nhiệm	C2023-24-02 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM loại C	02/2023-08/2024	Đang thực hiện (Đã nghiệm thu giữa kỳ)
	Hướng nghiên cứu 2				
05	Ứng dụng GIS và mô hình toán xây dựng bản đồ tổn thương do biến đổi khí hậu TP.HCM nhằm đề xuất kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050	Chủ nhiệm	29/2017/HĐ-KHCNTT Đề tài KHCN TPHCM	10/2017-04/2019	30/07/2019 Xếp loại Đạt
B	THAM GIA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
B.1	Trước khi được công nhận TS				
B.2	Sau khi được công nhận TS				
	Hướng nghiên cứu 1				

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
06	Nghiên cứu và ứng dụng công cụ mô hình xác định phần đóng góp của các nguồn thải tới ô nhiễm BTEX trong không khí, từ đó xây dựng giải pháp giảm ô nhiễm tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên chính	B2021-24-02 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM loại B	02/2021 – 02/2023	02/06/2023 Xếp loại Khá
07	Nghiên cứu xác định tác động ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng và tính toán khả năng tiếp nhận khí thải từng khu vực thuộc TP.HCM	Thành viên chính	B2019-24-01 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM loại B	06/2019 – 06/2021	14/01/2021 Xếp loại Tốt
08	Nghiên cứu xây dựng qui trình tính toán khoảng cách cách ly vệ sinh đối với chăn nuôi heo – Áp dụng điển hình cho khu vực thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên chính	C2019-24-05 Đề tài KHCN cấp ĐHQG-HCM loại C	06/2019-06/2020	10/7/2021 Xếp loại Khá
09	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai	Thành viên chính	01/HDNV-SNTMT ký ngày 03/04/2024	03/04/2024 – 03/04/2025	Đang thực hiện
10	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025	Thành viên chính	11.23/IER-DV ký ngày 10/02/2023	10/02/2023 – 10/12/2023	Đang thực hiện
11	Đánh giá và mô phỏng lan truyền ô nhiễm mùi, từ đó đề xuất giải pháp kiểm soát mùi tại một số khu vực phát thải mùi của tỉnh Đồng Tháp	Thành viên chính	1363/2021/HĐ-SKHCN ký ngày 24/09/2021	09/2021-09/2023	30/11/2023 Xếp loại Đạt
12	Nghiên cứu xây dựng bản đồ phát thải các chất gây ô nhiễm không khí phục vụ dự báo và kiểm soát ô nhiễm không khí vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	Thành viên chính	TNMT.2020.04.10 ký ngày 01/10/2020	10/2020-09/2022	30/09/2022 Xếp loại Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
13	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính đối với các nhà máy sản xuất công nghiệp và các cao ốc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên chính	8312/HĐ-STNMT-KTTV ký ngày 16/09/2020	09/2020-07/2021	30/12/2021 Xếp loại Đạt
14	Thiết lập bản đồ lan truyền ô nhiễm không khí đối với hoạt động giao thông, sản xuất công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên chính	106/2017/HĐ-SKHCN, ngày 02/8/2017 Đề tài KHCN TP.HCM	08/2017-01/2019	20/12/2018 Xếp loại Đạt
15	Thiết lập mô hình lan truyền ô nhiễm không khí và xây dựng các giải pháp bảo vệ môi trường không khí phục vụ phát triển bền vững thành phố Cần Thơ	Thành viên chính	14/HĐ-SKHCN ký kết ngày 02/8/2016 Đề tài KHCN TP. Cần Thơ	08/2016-07/2017	10/07/2017 Xếp loại Đạt
Hướng nghiên cứu 2					
16	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Thành viên chính	49.20/IER/DV ký ngày 02/11/2020	11/2020-04/2021	26/04/2021 Xếp loại Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Danh mục BB):

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
A	Trước khi được công nhận TS							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
A.1	Tạp chí khoa học quốc tế							
	Hướng nghiên cứu 1							
01	Luis Carlos Belacazar, Oliver Furher, Minh Dung Ho , Erika Zarate, Alain Clappier (2009) “ <i>Estimation of road traffic emission factors from a long term tracer study</i> ”. Atmospheric Environment, Vol. 43 (26), pp. 5830 – 5837. https://doi.org/10.1016/j.atmosenv.2009.07.059	5		Atmospheric Environment/ ISSN 1352-2310	ISI Scopus Q1, IF=5.0	35	Vol. 43 (26), pp. 5830 - 5837	2009
A.2	Tạp chí khoa học trong nước							
	Hướng nghiên cứu 1							
02	Ho Minh Dung , Dinh Xuan Thang (2008). “ <i>The estimation of emission factors of air pollutants from road traffic in Ho Chi Minh City</i> ”. VNU Journal of Science, Earth Sciences, Vol. 24, No.4, pp. 184 – 192.	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	VNU Journal of Science, Earth Sciences/ ISSN: 0866-8612			Vol. 24, No.4, pp. 184 – 192	2008
03	Ho Minh Dung , Dinh Xuan Thang (2009), “ <i>Modeling air quality in Hochiminh city and scenarios for reduction air pollution levels</i> ”. VNU Journal of Science, Earth Sciences. Vol. 25, No.4, pp. 179 – 191.	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	VNU Journal of Science, Earth Sciences/ ISSN: 0866-8612			Vol. 25, No.4, pp. 179 – 191	2009
A.3	Hội thảo khoa học quốc tế							
	Hướng nghiên cứu 1							
A.4	Hội thảo khoa học quốc gia							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Hướng nghiên cứu 1								
B	Sau khi được công nhận TS							
B.1	Tạp chí khoa học quốc tế ISI/Scopus							
Hướng nghiên cứu 1								
04	Dung Minh Ho , Nguyen Quoc Tuan, Ha Manh Bui (2024), <i>Modelling air pollution from steel plants and determining the safety distance for the surrounding area in Phu My town, Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam</i> . Polish Journal of Environmental Studies, No. X (2024), pp. 1-9 doi: https://doi.org/10.15244/pjoes/186486	3	Tác giả chính	Polish Journal of Environmental Studies/ISSN: 1230-1485.	ISI Scopus Q3, IF=1.8		No. X, pp. 1-9	2024
05	Dung Minh Ho , Binh Thanh Thach, Ha Manh Bui (2024) <i>“Establishing criteria for advancing circular economy practices in the beer industry: A case study in South Vietnam”</i> . Environmental Quality Management, 2024, pp. 1–13 doi: 10.1002/tqem.22218	3	Tác giả chính	Environmental Quality Management/ISSN 1520-6483	ISI Scopus Q3, IF=1.56		2024, pp. 1–13	2024
06	Ho Minh Dung , Nguyen Quoc Bao, and Nguyen Thai Son (2023), <i>“Application of Modelling Tools for Air Quality Management in Giao Long Industrial Zone, Ben Tre Province, Vietnam”</i> . EnvironmentAsia, 16(3), pp.	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	EnvironmentAsia/ISSN 19061714	Scopus Q4, IF=0.66		16(3), pp. 104-116	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	104-116 doi:10.14456/ea.2023.39							
07	Ho Minh Dung and Vu Hoang Ngoc Khue (2021), “ <i>Study on Load-Carrying Capacity Zoning in Atmospheric Environment in Developing Countries — A Case Study of Can Tho City, Vietnam</i> ”. doi:10.18178/ijesd.2021.12.7.1340	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	International Journal of Environmental Science and Development/ ISSN: 2010-0264	Scopus Q3, IF=0.67	3	Vol. 12 (7), pp. 193-203	2021
08	Bang Quoc Ho, Khue Hoang Ngoc Vu, Tam Thoai Nguyen, Hang Thi Thuy Nguyen, Dung Minh Ho , Hien Nhu Nguyen & Thuy Thi Thu Nguyen (2020), “ <i>Study loading capacities of air pollutant emissions for developing countries: a case of Ho Chi Minh City, Vietnam</i> ”. Science Reports https://doi.org/10.1038/s41598-020-62053-4	7		Science Reports/ ISSN 2045-2322	Scopus Q1, IF=3.8	20		2020
09	Ho Minh Dung , Vu Hoang Ngoc Khue, Ho Quoc Bang (2019), “ <i>Air quality modeling and abatement strategy for livestock activities: a case of Ba Ria – Vung Tau province, Vietnam</i> ”. European Journal of Climate Change, Vol. 02 (01), pp. 01-09	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	European Journal of Climate Change/ ISSN-E: 2677-6472	Scopus		Vol. 02 (01), pp. 01-09	2019
Hướng nghiên cứu 2								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10	Le Minh Hai, Ho Minh Dung , Vo Ngoc Quynh Tram, Phan Thi Ha, Nguyen Thi Huyen, Le Hoang Tu (2024), <i>Assessing impact of climate change on streamflow: A case study in Ba River watershed, Gia Lai province, Vietnam</i> . IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science, 1345 (2024) 012025. doi:10.1088/1755-1315/1345/1/012025	6		IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science			1345 (2024) 012025.	2024
11	Le Minh Hai, Phan Thi Ha, Dang Nguyen Dong Phuong, Nguyen Thi Hong, Nguyen Duy Liem, Ho Minh Dung (2024). <i>Evaluating Trends of Temperature Index in Gia Lai Province Based on IITA and IPTA Approaches under Climate Change</i> . IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science, 1345 (2024) 012016 doi:10.1088/1755-1315/1345/1/012016	6		IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science			1345 (2024) 012016.	2024
12	Dang Nguyen Dong Phuong, Le Minh Hai, Ho Minh Dung & Nguyen Kim Loi (2021), “ <i>Temporal Trend Possibilities of Annual Rainfall and Standardized Precipitation Index in the Central Highlands</i> ”, Earth Systems and Environment, Vol.6, pp. 69–85.	4		Earth Systems and Environment/ ISSN 2509-9426	ISI Scopus Q1, IF=8.2	8	Vol.6, pp. 69–85	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://doi.org/10.1007/s41748-021-00211-y							
13	Vu Thuy Linh, Vo Ngoc Quynh Tram, Ho Minh Dung , Dang Nguyen Dong Phuong, Nguyen Duy Liem, Long D. Nguyen, Cheng Yin, Ayse Kortun, Nguyen Kim Loi (2021), “ <i>Meteorological and Hydrological Drought Assessment for Dong Nai River Basin, Vietnam under Climate Change</i> ”. Mobile Networks and Applications https://doi.org/10.1007/s11036-021-01757-x	9		Mobile Networks and Applications/ ISSN: 1383-469X	ISI Scopus Q2, IF=3.6	9		2021
14	Dang Nguyen Dong Phuong, Vu Thuy Linh, Tran Thong Nhat, Ho Minh Dung , Nguyen Kim Loi (2019), “ <i>Spatiotemporal variability of annual and seasonal rainfall time series in Ho Chi Minh city, Vietnam</i> ”. Journal of Water and Climate Change doi: 10.2166/wcc.2018.115	5		Journal of Water and Climate Change/ ISSN: 2040-2244	ISI Scopus Q2, IF=2.7	24		2019
B.2	Tạp chí khoa học trong nước							
	Hướng nghiên cứu 1							
15	Hồ Minh Dũng , Trương Công An, Nguyễn Thoại Tâm (2024), “ <i>Nghiên cứu quản lý chất lượng không khí bằng công cụ mô hình tại khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i> ”. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, Số 763, tr. 78-91	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Khí tượng Thủy văn/ ISSN: 2525 - 2208			763, tr. 78-91	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	doi:10.36335/VNJHM.2024(763).78-91							
16	Hồ Minh Dũng , Khổng Doãn An Khang (2024), “Dự báo chất lượng không khí bằng mô hình LSTM-MA trường hợp sử dụng dữ liệu tại trạm quan trắc tự động ngã tư Giếng Nước, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, Số 765, tr. 75-89 doi:10.36335/VNJHM.2024(765).75-89	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Khí tượng Thủy văn/ ISSN: 2525 - 2208			765, tr. 75-89	2024
17	Vũ Hoàng Ngọc Khuê, Hồ Minh Dũng , Nguyễn Thoại Tâm, Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hồ Quốc Bằng (2019), “Tính toán và xây dựng bản đồ phát thải khí thải từ hoạt động giao thông cho TP.HCM”. Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 3(2), tr. 100-114. https://doi.org/10.32508/stdjns.v3i2.687	5		Tạp chí Phát triển KH&CN, chuyên san Khoa học trái đất và môi trường/ ISSN: 2588 - 1078			Tập 3(2), tr. 100-114.	2019
18	Hồ Minh Dũng , Hồ Quốc Bằng, Lê Việt Thắng (2018), “Đánh giá lan truyền ô nhiễm không khí và đề xuất kịch bản quy hoạch giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động chăn nuôi tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”. Tạp chí Phát triển KH&CN, chuyên san Khoa học trái đất và môi trường, Tập 2, số 2 -2018, tr. 26-37	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển KH&CN, chuyên san Khoa học trái đất và môi trường/ ISSN: 2588 - 1078			Tập 21-M2, tr. 26-37	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	Hồ Minh Dũng , Nguyễn Thị Thanh Hằng (2017), " <i>Đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính, phân hạng môi trường và đề xuất các giải pháp xanh hóa một số ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An</i> ". Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 20-M1, tr.15-25	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển KH&CN/ISSN: 1859 - 0128			Tập 20-M1, tr. 15-25	2017
20	Hồ Minh Dũng , Trần Lê Nhật Giang (2016), " <i>Kiểm kê dấu chân carbon của ngành cao su ở hai giai đoạn trồng và chế biến mủ cao su tại tỉnh Bình Dương</i> ". Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 19-M2, tr. 58-72	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển KH&CN/ISSN: 1859 - 0128			Tập 19-M2, tr. 58-72	2016
21	Hồ Quốc Bằng, Lý Thị Bích Trâm, Hồ Minh Dũng (2015), " <i>Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng không khí và bước đầu quan trắc bụi siêu mịn tại thành phố Cần Thơ</i> ". Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 18-M2, tr. 85-98	3		Tạp chí Phát triển KH&CN/ISSN: 1859 - 0128			Tập 18-M2, tr. 85-98	2015
Hướng nghiên cứu 2								
22	Vu Thuy Linh, Ho Minh Dũng , Nguyen Kim Loi (2020), " <i>Climate change vulnerability indicators for agriculture in Ho Chi Minh city</i> ". Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering - Environmental Sciences Climatology, Vol 62(1).pp. 90-96	3		Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering - Environmental Sciences Climatolo			Vol 62(1). pp. 90-96	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	doi: 10.31276/VJSTE.62(1).90-96.			gy/ISSN: 2815 - 5874.				
23	Vũ Thùy Linh, Nguyễn Duy Liêm, Hồ Minh Dũng , Nguyễn Kim Lợi (2019), “Nghiên cứu ứng dụng mô hình hóa đánh giá xu thế của ngập lụt và xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu: nghiên cứu thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, (EME2). pp. 98-110 doi:10.36335/VNJHM.2019(EME2).98-110	4		Tạp chí Khí tượng Thủy văn/ ISSN: 2525 - 2208.			(EME2). pp. 98-110	2019
24	Hồ Minh Dũng , Hoàng Ái Nhân, Chế Đình Lý (2016), “Xây dựng bộ chỉ thị đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đề xuất giải pháp cải thiện”. Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 19-M1, tr. 108-121	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển KH&CN/ ISSN: 1859 - 0128			Tập 19-M1, tr. 108-121	2016
25	Hồ Minh Dũng , Vương Thế Hoàn, Chế Đình Lý (2015), “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng xanh áp dụng đánh giá, phân hạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh cho các quận nội thành TP. Hồ Chí Minh”. Tạp chí Phát triển KH&CN, Tập 18-M2, tr.70-84	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển KH&CN/ ISSN: 1859 - 0128			Tập 18-M2, tr. 70-84	2015
B.3	Hội thảo khoa học quốc tế							
	Hướng nghiên cứu 1							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Ho Minh Dung , Ho Quoc Bang, Nguyen Thoai Tam, Pham Van Phuoc (2016), " <i>Emission inventory of air pollution and greenhouse gas from industrial activity in Can Tho city and proposing measure to reduce pollution</i> ". Proceedings of the International Conference 2016 ICENR-ILTER-EAP, pp. 227–234	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Proceedings of the International Conference 2016 ICENR-ILTER-EAP/ ISBN: 978-614-73-4647-9		-	pp. 227–234	2016
27	Vu Hoang Ngoc Khue, Bang Quoc Ho, Nguyen Thoai Tam, Ho Minh Dung (2016). " <i>Application of Mobilev model to calculate air emission for road traffic sources in Can Tho city and proposing abatement measures</i> ". Proceedings of the International Conference 2016 ICENR-ILTER-EAP, pp. 48-55.	4		Proceedings of the International Conference 2016 ICENR-ILTER-EAP/ ISBN: 978-614-73-4647-9			pp. 48-55	2016
B.4	Hội thảo khoa học trong nước							
	Hướng nghiên cứu 1							
	Hướng nghiên cứu 2							
28	Nguyễn Thành Nghĩa, Lê Minh Hải, Mai Thị Ly Na, Phan Thị Hà, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Đông Phương, Hồ Minh Dũng , Nguyễn Kim Lợi (2020), " <i>Mô phỏng động lực thay đổi sử dụng đất tại tỉnh Gia Lai sử dụng công nghệ GIS và</i>	8		Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020/ ISBN: 978-604-60-3259-5			tr. 478-488	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>chuỗi Markov".</i> Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020, tr. 478-488.							
29	Lê Minh Hải, Phan Thị Hà, Nguyễn Nam Hải, Đặng Nguyễn Đông Phương, Hồ Minh Dũng , Lê Thanh Trang, Nguyễn Kim Lợi (2020), " <i>Phân tích tác động của thay đổi sử dụng đất đến lưu lượng dòng chảy ở lưu vực sông Ayun, tỉnh Gia Lai</i> ". Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020, tr. 423-436	7		Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020/ ISBN: 978-604-60-3259-5			tr. 423-436	2020
30	Vũ Thùy Linh, Nguyễn Duy Liêm, Phan Thị Hà, Hồ Minh Dũng , Nguyễn Kim Lợi (2019), " <i>Đánh giá xu thế của ngập lụt và xâm nhập mặn tại thành phố Hồ Chí Minh dựa trên mô hình SWAT và HEC-RAS trong bối cảnh biến đổi khí hậu</i> ". Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2019, tr. 916-933	5		Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2019/ ISBN: 978-604-60-3104-8			tr. 916-933	2019

- Trong đó: có 05 bài báo mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ, tất cả đều là bài báo tạp chí khoa học quốc tế có uy tín [BB 04, 05, 06, 07, 09].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): không có.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (Danh mục SHTT): không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường và ngành Kỹ thuật môi trường	Tham gia	Quyết định 67/QĐ-VMT&TN-ĐT ngày 03/08/15	Viện Môi trường và Tài nguyên	Quyết định 121/QĐ-VMT&TN-ĐT ngày 24/10/2015	
2	Tham gia xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường và ngành Kỹ thuật môi trường	Tham gia	Quyết định 50A/QĐ-VMT&TN, ngày 06/07/2022	Viện Môi trường và Tài nguyên		
3	Tham gia xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường và ngành Kỹ thuật môi trường	Tham gia	Quyết định 67/QĐ-VMT&TN, ngày 19/6/2024	Viện Môi trường và Tài nguyên		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: không có.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Hồ Minh Dũng